

KẾT QUẢ THI NGHỀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HỘI ĐỒNG 78: THPT THỦ ĐỨC

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
1	300977	1	Nguyễn Huỳnh Bình An	21	04	1997	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	9	8.0	Khá
2	300978	1	Trần Hoàng Thúy An	09	04	2000	Tiền Giang	Tam Phú	Làm vườn	6	9	8.5	Khá
3	300979	1	Trần Huỳnh Thiên An	19	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	2.75	9	7.5	Hồng
4	300980	1	Đinh Thị Lan Anh	05	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	8	8.0	Khá
5	300981	1	Hồ Nguyễn Lan Anh	29	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	9	8.0	Khá
6	300982	1	Huỳnh Đức Anh	31	10	2000	Ninh Thuận	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	10	9.5	Giỏi
7	300983	1	Khổng Thị Hoàng Anh	26	03	2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	10	9.5	Giỏi
8	300984	1	Lê Hoài Trâm Anh	28	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.25	10	9.5	Giỏi
9	300985	1	Lê Nguyễn Hồng Anh	15	12	2000	Bình Dương	Tam Phú	Làm vườn	8	10	9.5	Giỏi
10	300986	1	Lê Nhật Quốc Anh	14	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	9	8.0	Tbình
11	300987	1	Lê Thị Lan Anh	20	10	2000	Thanh Hóa	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.25	10	8.5	Tbình
12	300988	1	Mai Thị Hồng Anh	12	06	1994	Đồng Nai	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.5	10	9.0	Giỏi
13	300989	1	Nguyễn Đỗ Hoàng Anh	24	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	3.75	10	8.5	Tbình
14	300990	1	Nguyễn Hoàng Anh	29	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	9	8.0	Khá
15	300991	1	Nguyễn Huỳnh Trâm Anh	08	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
16	300992	1	Nguyễn Minh Anh	26	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	10	9.5	Giỏi
17	300993	1	Nguyễn Thị Minh Anh	18	09	2000	Hưng Yên	Tam Phú	Làm vườn	8.25	9	9.0	Giỏi
18	300994	1	Nguyễn Thị Vân Anh	28	04	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.75	9	8.5	Khá
19	300995	1	Phạm Tuấn Anh	19	05	2000	Vĩnh Phúc	Tam Phú	Làm vườn	7	9	8.5	Khá
20	300996	1	Phạm Việt Anh	22	06	2000	Nam Định	Tam Phú	Làm vườn	7.75	9	8.5	Khá
21	300997	1	Thịnh Mạnh Hoàng Anh	19	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4.75	9	8.0	Tbình
22	300998	1	Trần Đức Anh	25	01	2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.5	10	10.0	Giỏi
23	300999	1	Trần Thị Lan Anh	09	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6	8	7.5	Khá
24	301000	1	Trương Tú Anh	22	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	8	7.0	Tbình
25	301001	1	Vũ Duy Anh	12	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	10	9.5	Giỏi
26	301002	1	Lê Thị Ngọc Ánh	13	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
27	301003	1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	26	04	2000	Đắk Lắk	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
28	301004	1	Bùi Trần Thiên Ân	26	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5.25	9	8.0	Khá
29	301005	2	Cao Thiều Thiên Ân	07	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	7	6.5	Tbình
30	301006	2	Nguyễn Nguyễn Thiên Ân	28	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	8	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
31	301007	2	Hoàng Gia Bảo	24	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7	8	8.0	Khá
32	301008	2	Mai Đặng Hoàng Bảo	01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.5	7	7.0	Khá
33	301009	2	Nguyễn Huỳnh Bảo	28	02	2000	Bình Dương	Tam Phú	Làm vườn	8	9	9.0	Giỏi
34	301010	2	Nguyễn Ngọc Bảo	25	10	1996	Sông Bé	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
35	301011	2	Thiệu Gia Bảo	26	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	9	8.0	Khá
36	301012	2	Trương Ngọc Công Bảo	14	08	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	v	v		
37	301013	2	Nguyễn Hữu Bi	03	07	2000	Thừa Thiên - Huế	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.5	8	8.5	Khá
38	301014	2	Huỳnh Công Bình	04	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	8	7.5	Khá
39	301015	2	Trần Thạch Quốc Bình	08	07	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	9	8.5	Khá
40	301016	2	Vũ Nguyễn Thái Bình	25	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	3.25	8	7.0	Tbình
41	301017	2	Phạm Minh Cảnh	19	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	8	7.5	Khá
42	301018	2	Nguyễn Thị Ngọc Chăm	06	02	1997	An Giang	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.25	8	7.5	Khá
43	301019	2	Lê Thị Bích Châu	28	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	9	8.0	Khá
44	301020	2	Tháng Hoàn Liên Châu	07	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.5	9	8.0	Khá
45	301021	2	Trần Lê Bảo Châu	14	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.5	9	7.5	Tbình
46	301022	2	Trần Ngọc Uyên Chi	06	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	8	8.0	Khá
47	301023	2	Bùi Quốc Chí	25	11	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	8	7.0	Tbình
48	301024	2	Nguyễn Hoàng Chí	04	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5.75	9	8.0	Khá
49	301025	2	Phan Công Chính	23	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.25	7	7.0	Khá
50	301026	2	Trần Đức Chính	09	04	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8	8	8.0	Khá
51	301027	2	Nguyễn Triệu Bảo Chung	24	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.75	8	7.5	Khá
52	301028	2	Phạm Văn Chung	12	12	1998	Ninh Bình	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.5	10	9.0	Giỏi
53	301029	2	Phan Thành Công	01	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	9	8.0	Khá
54	301030	2	Nguyễn Thị Kim Cương	27	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
55	301031	2	Trần Công Danh	09	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	8	7.5	Khá
56	301032	2	Trần Công Danh	29	11	1993	Long An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
57	301033	3	Lý Thị Thu Diễm	10	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.75	8	8.0	Khá
58	301034	3	Phạm Thị Diễm	15	06	1998	Quảng Nam	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
59	301035	3	Phan Thị Ngọc Diễm	20	01	2000	Hà Tĩnh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6	9	8.5	Khá
60	301036	3	Bùi Thị Mỹ Dung	27	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
61	301037	3	Nguyễn Ngọc Thùy Dung	24	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
62	301038	3	Đào Quốc Dũng	03	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.5	v		
63	301039	3	Đỗ Tiến Dũng	24	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.25	9	9.0	Giỏi
64	301040	3	Đỗ Xuân Dũng	18	12	2000	Hà Tây	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8	9	9.0	Giỏi
65	301041	3	Nguyễn Trung Dũng	24	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	9	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
66	301042	3	Lê Minh Duy	23	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.25	10	9.0	Giỏi
67	301043	3	Lê Tuấn Duy	11	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.25	10	8.5	Tbình
68	301044	3	Nguyễn Duy	03	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	4	10	8.5	Tbình
69	301045	3	Nguyễn Anh Duy	22	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6	8	7.5	Khá
70	301046	3	Nguyễn Hoàng Tấn Duy	16	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.25	10	9.5	Giỏi
71	301047	3	Nguyễn Khắc Bảo Duy	29	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.75	9	8.5	Khá
72	301048	3	Phạm Thanh Duy	09	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	8	7.0	Tbình
73	301049	3	Trần Khánh Duy	16	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
74	301050	3	Trần Quang Duy	26	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	9	8.5	Khá
75	301051	3	Cao Thùy Duyên	29	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.5	9	9.0	Giỏi
76	301052	3	Chế Thị Mỹ Duyên	28	09	1998	Tây Ninh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.25	9	8.0	Tbình
77	301053	3	Lê Đàm Mỹ Duyên	16	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5.25	10	9.0	Giỏi
78	301054	3	Nguyễn Hoàng Yến Duyên	07	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	v	v		
79	301055	3	Trần Ngọc Dự	20	04	2000	Bình Định	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6	8	7.5	Khá
80	301056	3	Hà Trọng Dương	17	12	2000	Thừa Thiên - Huế	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	9	8.5	Khá
81	301057	3	Lê Thị Thùy Dương	05	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4	9	8.0	Tbình
82	301058	3	Nguyễn Bình Dương	08	09	1997	Hưng Yên	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	8	7.5	Khá
83	301059	3	Nguyễn Châu Thùy Dương	04	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.75	9	9.0	Giỏi
84	301060	3	Nguyễn Quốc Hải Dương	04	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	10	9.5	Giỏi
85	301061	4	Phạm Thị Anh Đào	04	08	1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	9	8.0	Khá
86	301062	4	Bùi Thành Đạt	01	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	8.5	8.0	Khá
87	301063	4	Mai Thành Đạt	03	04	2000	Cần Thơ	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	9	8.5	Khá
88	301064	4	Nguyễn Thành Đạt	20	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.25	9	8.0	Khá
89	301065	4	Nguyễn Thành Đạt	28	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	9.5	9.0	Giỏi
90	301066	4	Nguyễn Thành Đạt	13	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
91	301067	4	Nguyễn Văn Đạt	22	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6	9	8.5	Khá
92	301068	4	Trần Kiến Đạt	16	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	9	8.5	Khá
93	301069	4	Trần Thành Đạt	25	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.75	10	9.0	Giỏi
94	301070	4	Võ Văn Tấn Đạt	05	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
95	301071	4	Phạm Hải Đăng	01	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
96	301072	4	Phạm Thị Diệp	02	09	1998	Hà Tĩnh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6	8.5	8.0	Khá
97	301073	4	Nguyễn Thanh Định	29	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.25	9.5	9.0	Giỏi
98	301074	4	Nguyễn Đức Đông	17	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
99	301075	4	Nguyễn Hòa Đông	12	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5.5	10	9.0	Giỏi
100	301076	4	Bùi Công Đức	04	07	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	9.5	8.5	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
101	301077	4	Huỳnh Minh Đức	23	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6	9	8.5	Khá
102	301078	4	Nguyễn Anh Đức	29	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6	9.5	8.5	Khá
103	301079	4	Nguyễn Ngọc Đức	03	03	2000	Cần Thơ	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	9	8.0	Khá
104	301080	4	Nguyễn Sĩ Anh Đức	13	11	1999	Lào Cai	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
105	301081	4	Nguyễn Việt Đức	13	02	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	9	8.5	Khá
106	301082	4	Trịnh Xuân Đức	29	02	2000	Hà Nam	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.25	10	9.0	Giỏi
107	301083	4	Nguyễn Văn Đương	25	03	1998	Đắk Lắk	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7.75	9	8.5	Khá
108	301084	4	Nguyễn Văn Hải Đường	25	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.5	9.5	8.5	Khá
109	301085	4	Đoàn Hương Giang	04	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4	9.5	8.0	Tbình
110	301086	4	Lê Trần Trường Giang	12	09	2000	Vĩnh Long	Tam Phú	Làm vườn	8	9.5	9.0	Giỏi
111	301087	4	Lê Trường Giang	16	10	2000	Bình Dương	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	9	8.0	Tbình
112	301088	4	Nguyễn Huỳnh Tường Giang	23	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7	9	8.5	Khá
113	301089	5	Nguyễn Thị Hương Giang	30	01	2000	Nghệ An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.25	9	8.5	Khá
114	301090	5	Nguyễn Thị Trà Giang	01	05	2000	Nghệ An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.25	10	9.0	Giỏi
115	301091	5	Nguyễn Trường Giang	30	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
116	301092	5	Võ Long Giang	03	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	4.75	8	7.0	Tbình
117	301093	5	Đoàn Thị Thu Hà	04	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	9	8.5	Khá
118	301094	5	Nguyễn Thị Hồng Hà	08	12	2000	Đồng Nai	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.25	10	9.0	Giỏi
119	301095	5	Nguyễn Vũ Thu Hà	01	03	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	v	v		
120	301096	5	Lê Thị Hồng Hạnh	03	09	2000	Lâm Đồng	Tam Phú	Làm vườn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
121	301097	5	Huỳnh Thế Hào	12	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.25	9.5	8.0	Tbình
122	301098	5	Nguyễn Hữu Duy Hào	18	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
123	301099	5	Nguyễn Nhật Hào	09	08	2000	Cà Mau	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
124	301100	5	Trần Nhật Hào	13	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.25	9	9.0	Giỏi
125	301101	5	Nguyễn Thị Như Hào	15	11	1997	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	10	8.5	Tbình
126	301102	5	Bành Thụy Minh Hằng	29	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
127	301103	5	Dương Lê Thúy Hằng	13	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.75	9	9.0	Giỏi
128	301104	5	Hoàng Thị Hằng	15	05	1999	Thanh Hóa	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	10	8.5	Tbình
129	301105	5	Lâm Nguyễn Thúy Hằng	14	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
130	301106	5	Lê Kim Hằng	13	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	9	9.0	Giỏi
131	301107	5	Nguyễn Thị Hằng	02	07	1997	Nghệ An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	9	8.0	Khá
132	301108	5	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng	18	04	1999	Lâm Đồng	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.5	9	8.5	Khá
133	301109	5	Đặng Ngọc Hân	02	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	9	8.5	Khá
134	301110	5	Nguyễn Như Hân	08	09	1998	Đắk Lắk	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4	9	8.0	Tbình
135	301111	5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	04	03	2000	Bến Tre	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
136	301112	5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	05	01	1999	An Giang	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
137	301113	5	Nguyễn Bá Hậu	24	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	3.5	9	7.5	Tbình
138	301114	5	Nguyễn Hải Hậu	24	03	2000	Đồng Nai	Tam Phú	Làm vườn	5	9.5	8.5	Khá
139	301115	5	Nguyễn Thanh Hậu	30	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	9.5	9.0	Giỏi
140	301116	5	Nguyễn Trung Hậu	13	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4.75	9	8.0	Tbình
141	301117	6	Trần Duy Hậu	19	09	1994	An Giang	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
142	301118	6	Bùi Thanh Hiền	06	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.5	9.5	8.0	Tbình
143	301119	6	Đỗ Thị Diệu Hiền	05	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
144	301120	6	Nguyễn Thị Hiền	23	08	1997	Nghệ An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7.25	10	9.5	Giỏi
145	301121	6	Nguyễn Thị Thu Hiền	30	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.25	10	9.5	Giỏi
146	301122	6	Trần Thị Thanh Hiền	18	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	10	9.5	Giỏi
147	301123	6	Võ Thị Thanh Hiền	26	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.5	10	8.5	Tbình
148	301124	6	Vũ Thị Thu Hiền	29	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
149	301125	6	Đặng Thê Hiền	09	02	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5.75	10	9.0	Giỏi
150	301126	6	Nguyễn Đình Hiền	04	09	2000	Bình Thuận	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
151	301127	6	Nguyễn Minh Hiền	15	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
152	301128	6	Hoàng Ngọc Hiệp	09	06	2000	Thái Bình	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4.75	10	8.5	Tbình
153	301129	6	Kiều Minh Hiếu	12	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	10	9.0	Giỏi
154	301130	6	Lâm Khải Hiếu	08	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
155	301131	6	Nguyễn Thanh Hiếu	25	12	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
156	301132	6	Nguyễn Trung Hiếu	28	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.5	10	9.5	Giỏi
157	301133	6	Phạm Nguyễn Thái Hiếu	21	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	10	9.0	Giỏi
158	301134	6	Võ Minh Hiếu	13	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
159	301135	6		26	08	1999	Gia Lai	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.25	10	8.5	Tbình
160	301136	6	Lê Ngọc Ánh Hoa	30	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
161	301137	6	Trần Thị Kiều Hoa	16	04	2000	Đắk Lắk	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
162	301138	6	Trần Thị Tuyết Hoa	10	09	1997	Lâm Đồng	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
163	301139	6	Dịp Kim Hòa	08	11	1997	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	10	8.5	Tbình
164	301140	6	Mai Thanh Hòa	23	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.25	10	9.5	Giỏi
165	301141	6	Nguyễn Khánh Hoà	04	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	10	9.5	Giỏi
166	301142	6	Nguyễn Lê Đông Hòa	06	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	v	v		
167	301143	6	Nguyễn Trần Thái Hòa	05	02	2000	Bến Tre	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
168	301144	6	Trần Thị Hòa	19	05	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	10	8.5	Tbình
169	301145	7	Đỗ Thị Hoàng	25	11	2000	Đồng Tháp	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	7.5	7.0	Khá
170	301146	7	Lê Nguyễn Bích Hoàng	12	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6	8.5	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
171	301147	7	Nguyễn Xuân Huy	Hoàng	03	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.25	9	8.5	Khá
172	301148	7	Trần Huy	Hoàng	03	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	8	7.0	Tbình
173	301149	7	Nguyễn Xuân	Hội	05	12	2000	Bắc Ninh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	8.5	8.0	Khá
174	301150	7	Ngô Thị Thanh	Hồng	28	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	9.5	9.0	Giỏi
175	301151	7	Nguyễn Hữu	Huân	18	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.5	9	9.0	Giỏi
176	301152	7	Hoàng Thị	Huệ	10	01	2000	Hà Tĩnh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	8.25	8	8.0	Khá
177	301153	7	Lữ Cao Chí	Hùng	29	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4.75	8.5	7.5	Tbình
178	301154	7	Trần Văn	Hùng	26	12	1999	Sóc Trăng	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6	8	7.5	Khá
179	301155	7	Cao Quốc	Huy	18	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.25	9	9.0	Giỏi
180	301156	7	Đào Gia	Huy	04	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5.5	9	8.0	Khá
181	301157	7	Đào Quang	Huy	03	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5	9.5	8.5	Khá
182	301158	7	Huỳnh Thanh	Huy	03	09	1999	Long An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.5	v		
183	301159	7	Lê Minh	Huy	04	08	1999	Hà Tây	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	9	8.0	Khá
184	301160	7	Lê Đức	Huy	05	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9	9	9.0	Giỏi
185	301161	7	Lê Nguyễn Đức	Huy	09	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5	8.5	7.5	Khá
186	301162	7	Nguyễn Hoàng	Huy	12	02	2000	Bình Dương	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	8	7.5	Khá
187	301163	7	Nguyễn Quốc	Huy	07	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5	9	8.0	Khá
188	301164	7	Nguyễn Quốc	Huy	26	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	9.5	9.0	Giỏi
189	301165	7	Nguyễn Trường	Huy	24	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
190	301166	7	Phạm Thanh	Huy	28	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	8.5	8.0	Khá
191	301167	7	Trần Thanh	Huy	31	08	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.25	9	9.0	Giỏi
192	301168	7	Văn Tường	Huy	09	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
193	301169	7	Phạm Thị	Huyền	09	12	2000	Nghệ An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.25	8.5	8.0	Khá
194	301170	7	Thới Thị Lệ	Huyền	14	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	9	8.0	Tbình
195	301171	7	Trần Thị	Huyền	27	11	1996	Hà Tĩnh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	8.5	9.5	9.5	Giỏi
196	301172	7	Phạm Thế	Huỳnh	09	02	2000	Nam Định	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4	8.5	7.5	Tbình
197	301173	8	Hồ Ngọc	Hưng	17	03	1997	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
198	301174	8	Trần Gia	Hưng	19	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5.5	9	8.0	Khá
199	301175	8	Võ Kim	Hưng	09	03	2000	Bình Dương	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	10	8.5	Tbình
200	301176	8	Nguyễn Thị Mai	Hương	01	02	2000	Bình Phước	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.25	10	9.5	Giỏi
201	301177	8	Nguyễn Thị Thanh	Hương	22	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.5	10	9.5	Giỏi
202	301178	8	Nguyễn Thị Thanh	Hương	30	03	1999	Nghệ An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6	10	9.0	Giỏi
203	301179	8	Vũ Thị Kim	Hương	16	02	1993	Đồng Nai	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
204	301180	8	Lâm Thị Ngọc	Khá	16	05	2000	Sóc Trăng	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	10	9.0	Giỏi
205	301181	8	Lê Việt	Khải	20	12	2000	Thanh Hóa	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	8	7.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
206	301182	8	Ngô Trần Duy	Khải	08	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4.5	9	8.0	Tbình
207	301183	8	Trần Tuấn	Khải	10	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7	9	8.5	Khá
208	301184	8	Viên Nghiệp	Khải	16	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
209	301185	8	Nguyễn Minh	Khang	23	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	3.5	9	7.5	Tbình
210	301186	8	Nguyễn Phúc	Khang	01	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	9	9.0	Giỏi
211	301187	8	Nguyễn Thanh	Khang	12	10	2000	Bình Định	Tam Phú	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
212	301188	8	Đoàn Duy	Khanh	10	06	1995	Đồng Nai	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
213	301189	8	Nguyễn Bích Mai	Khanh	16	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	10	9.5	Giỏi
214	301190	8	Nguyễn Tuấn	Khanh	26	10	1998	Hậu Giang	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4.25	9	8.0	Tbình
215	301191	8	Nguyễn Tuấn	Khanh	11	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	8	7.5	Khá
216	301192	8	Võ Đồng Mỹ	Khanh	10	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
217	301193	8	Bùi Thị Diệu	Khánh	12	10	2000	Hòa Bình	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.75	9	9.0	Giỏi
218	301194	8	Lê Thị Kiều	Khánh	30	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7	9	8.5	Khá
219	301195	8	Trần Thị Kim	Khánh	28	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8	9	9.0	Giỏi
220	301196	8	Đào Đức	Khoa	05	12	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6	9	8.5	Khá
221	301197	8	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	28	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
222	301198	8	Nguyễn Anh	Khoa	09	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4.5	9	8.0	Tbình
223	301199	8	Lê Anh	Khôi	04	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7	10	9.5	Giỏi
224	301200	8	Phan Anh	Khôi	01	02	2000	Thanh Hóa	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	9	8.0	Tbình
225	301201	9	Phí Hoàng Nguyên	Khôi	04	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.25	9.5	8.5	Khá
226	301202	9	Hoàng Tuấn	Kiệt	02	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.25	9.5	8.5	Khá
227	301203	9	Huỳnh Trần Anh	Kiệt	12	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	9	8.0	Khá
228	301204	9	Lương Gia	Kiệt	15	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.5	9	8.0	Khá
229	301205	9	Sui Vạn	Kiệt	19	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	9	8.5	Khá
230	301206	9	Trịnh Tuấn	Kiệt	06	01	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5	9	8.0	Khá
231	301207	9	Thị	Kim	17	07	1997	Bình Phước	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7.5	9	8.5	Khá
232	301208	9	Nguyễn Bình Phương	Lam	23	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
233	301209	9	Nguyễn Thị Hồng	Lam	02	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
234	301210	9	Hồ Thị Ngọc	Lan	26	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.25	9.5	8.5	Khá
235	301211	9	Nguyễn Thị Thanh	Lan	01	03	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.25	9.5	8.0	Tbình
236	301212	9	Vũ Đình	Lân	18	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	v	v		
237	301213	9	Dư Nhật	Lập	17	12	1995	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.25	9	8.5	Khá
238	301214	9	Tất Gia	Lệ	05	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.5	9.5	9.5	Giỏi
239	301215	9	Trần Thị	Liên	17	09	2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	9	8.0	Tbình
240	301216	9	Đặng Hoàng Diệu	Linh	23	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	9.5	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
241	301217	9	Nguyễn Thị Thùy Linh	14	11	2000	Yên Bái	Tam Phú	Làm vườn	6.25	9	8.5	Khá
242	301218	9	Nguyễn Thị Thùy Linh	30	10	2000	Hà Nam	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	8.5	7.5	Tbình
243	301219	9	Nguyễn Thị Thùy Linh	18	01	2000	Quảng Bình	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.25	9.5	8.5	Khá
244	301220	9	Phạm Thị Linh	09	09	1999	Thái Bình	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4.25	8.5	7.5	Tbình
245	301221	9	Phan Nữ Mai	13	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6	9.5	8.5	Khá
246	301222	9	Tô Thị Mỹ	02	01	2000	Kiên Giang	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
247	301223	9	Tổng Thị Mỹ	16	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
248	301224	9	Lê Thị Ngọc	27	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	8.5	8.0	Khá
249	301225	9	Cái Ngọc	04	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
250	301226	9	Dương Hoàng	23	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	9	8.0	Khá
251	301227	9	Đỗ Hoàng	28	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
252	301228	9	Hoàng	24	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.5	9	8.5	Khá
253	301229	10	Khuất Trịnh Hải	21	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7	9.5	9.0	Giỏi
254	301230	10	Lê Hoàng	09	06	2000	Bình Phước	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
255	301231	10	Lê Hoàng	27	09	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	9.5	8.5	Tbình
256	301232	10	Lương Hải	01	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
257	301233	10	Nguyễn Bảo	17	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.25	9	9.0	Giỏi
258	301234	10	Nguyễn Thanh	26	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
259	301235	10	Phạm Gia	20	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
260	301236	10	Phan Bùi Đức	29	12	2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
261	301237	10	Phan Thị	03	03	2000	Hà Tĩnh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6	9	8.5	Khá
262	301238	10	Trần Thịnh	27	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
263	301239	10	Võ Hoàng	18	01	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
264	301240	10	Lê Văn Mi	24	10	2000	An Giang	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3	9	7.5	Tbình
265	301241	10	Lê Phúc Thiên	07	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.25	9.5	8.5	Khá
266	301242	10	Nguyễn Thành	02	02	1998	Trà Vinh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	9.5	8.5	Tbình
267	301243	10	Nguyễn Đức	04	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.25	9.5	8.5	Khá
268	301244	10	Nguyễn Tiến	21	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6	10	9.0	Giỏi
269	301245	10	Nguyễn Thị	08	09	1999	Ninh Bình	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	9	8.0	Khá
270	301246	10	Lê Thành	15	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	9	8.5	Khá
271	301247	10	Nguyễn Trần Anh	14	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.25	9	8.0	Khá
272	301248	10	Trần Minh	26	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3	9.5	8.0	Tbình
273	301249	10	Cù Khắc	20	06	2000	Nghệ An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7.25	9	8.5	Khá
274	301250	10	Nguyễn Văn	13	03	2000	Đồng Nai	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6	9.5	8.5	Khá
275	301251	10	Nguyễn Thị Trúc	11	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.75	9.5	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
276	301252	10	Trần Lý Khánh Ly	15	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.25	10	9.5	Giỏi
277	301253	10	Nguyễn Công Lý	19	06	1999	Vĩnh Long	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7	9	8.5	Khá
278	301254	10	Đỗ Như Mai	02	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	9.5	9.0	Giỏi
279	301255	10	Vũ Thanh Mai	13	02	2000	Thừa Thiên - Huế	Tam Phú	Làm vườn	8	9	9.0	Giỏi
280	301256	10	Mai Đức Mạnh	03	10	2000	Lâm Đồng	Tam Phú	Làm vườn	7.5	9	8.5	Khá
281	301257	11	Nguyễn Tấn Mạnh	05	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
282	301258	11	Nguyễn Hoài Mẫn	06	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	9.5	8.5	Khá
283	301259	11	Bùi Vũ Xuân Minh	02	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
284	301260	11	Dương Thị Phương Minh	03	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.25	10	8.5	Tbình
285	301261	11	Đặng Quang Minh	23	01	2000	Kiên Giang	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
286	301262	11	Đỗ Thanh Minh	25	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	1	9.5	7.5	Hổng
287	301263	11	Hoàng Công Minh	26	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
288	301264	11	Hoàng Văn Đức Minh	09	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.5	9	8.5	Khá
289	301265	11	Lê Đức Minh	25	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7	9.5	9.0	Giỏi
290	301266	11	Lê Nhật Minh	22	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.75	10	9.5	Giỏi
291	301267	11	Nguyễn Nhật Minh	07	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
292	301268	11	Nguyễn Quốc Minh	22	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.5	10	8.5	Tbình
293	301269	11	Phạm Thế Minh	20	07	2000	Bình Dương	Tam Phú	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
294	301270	11	Phan Anh Minh	26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.5	10	9.0	Giỏi
295	301271	11	Trần Quang Minh	29	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	10	8.5	Tbình
296	301272	11	Võ Nhựt Minh	11	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	10	8.5	Tbình
297	301273	11	Vũ Việt Minh	23	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
298	301274	11	Đặng Trà My	01	02	1999	Phú Yên	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
299	301275	11	Nguyễn Thị Diễm My	21	06	2000	Bạc Liêu	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	10	9.5	Giỏi
300	301276	11	Trần Ngọc Trà My	09	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9	9.5	9.5	Giỏi
301	301277	11	Vũ Thị Diễm My	27	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.75	10	9.0	Giỏi
302	301278	11	Nguyễn Thị Na	10	07	2000	Đồng Nai	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.25	9.5	8.5	Khá
303	301279	11	Nguyễn Hoài Nam	26	08	2000	Hưng Yên	Tam Phú	Làm vườn	8.5	10	9.5	Giỏi
304	301280	11	Nguyễn Hoài Nam	09	03	2000	Tiền Giang	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7.25	10	9.5	Giỏi
305	301281	11	Nguyễn Phương Nam	08	05	2000	Nam Định	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.25	9.5	8.5	Khá
306	301282	11	Phạm Văn Nam	05	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.75	10	9.0	Giỏi
307	301283	11	Huỳnh Thị Tiên Nga	20	10	2000	Gia Lai	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	10	8.5	Tbình
308	301284	11	Phạm Thị Việt Nga	03	12	2000	Liên Bang Nga	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7	9.5	9.0	Giỏi
309	301285	12	Phan Thị Thanh Nga	21	03	2000	Nghệ An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.25	9.5	8.0	Tbình
310	301286	12	Dương Hồng Ngân	18	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
311	301287	12	Đặng Lê Kim	Ngân	19	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.5	9.5	8.5	Khá
312	301288	12	Lương Kiều Phương	Ngân	24	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	9.5	8.5	Tbình
313	301289	12	Nguyễn Lê Thu	Ngân	24	09	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	10	9.0	Giỏi
314	301290	12	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	20	11	2000	Vĩnh Long	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
315	301291	12	Nguyễn Quỳnh Kim	Ngân	04	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
316	301292	12	Nguyễn Thị Thu	Ngân	19	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	9.5	8.5	Tbình
317	301293	12	Phạm Thị Kim	Ngân	02	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.25	9.5	8.0	Tbình
318	301294	12	Trần Lê Thu	Ngân	08	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
319	301295	12	Trần Mỹ	Ngân	17	07	2000	Cà Mau	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	9.5	9.5	Giỏi
320	301296	12	Trần Thị Kim	Ngân	28	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	9.5	9.5	Giỏi
321	301297	12	Huỳnh Nguyễn Phương	Nghi	31	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.25	9.5	9.0	Giỏi
322	301298	12	Bùi Hữu	Nghĩa	26	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
323	301299	12	Lê Tấn	Nghĩa	19	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.25	10	9.5	Giỏi
324	301300	12	Phạm Minh	Nghĩa	14	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
325	301301	12	Phạm Thành	Nghĩa	28	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	9.5	8.5	Tbình
326	301302	12	Phan Hoàng	Nghĩa	16	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	9.5	9.0	Giỏi
327	301303	12	Trần Châu Trọng	Nghĩa	11	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
328	301304	12	Huỳnh Thanh	Ngọc	28	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	v	v		
329	301305	12	Lê Thị	Ngọc	24	12	1999	Ninh Thuận	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.5	9.5	8.0	Tbình
330	301306	12	Nguyễn Hồng	Ngọc	14	11	2000	Sóc Trăng	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.75	9.5	8.0	Tbình
331	301307	12	Trần Minh	Ngọc	02	07	2000	Hà Nội	Tam Phú	Làm vườn	6.75	10	9.0	Giỏi
332	301308	12	Trần Thị Hồng	Ngọc	26	10	2000	Thái Bình	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4.75	9.5	8.5	Tbình
333	301309	12	Đặng Trương Hoàng	Nguyên	28	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
334	301310	12	Nguyễn Hoàng	Nguyên	23	09	1997	Vĩnh Long	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
335	301311	12	Phạm Minh	Nguyên	30	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
336	301312	12	Phạm Ngọc Hoàng	Nguyên	16	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	10	9.5	Giỏi
337	301313	13	Huỳnh Minh	Nguyệt	21	08	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	9.5	9.0	Giỏi
338	301314	13	Trần Thị	Nhân	16	11	1993	Nghệ An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.25	9	8.5	Khá
339	301315	13	Nguyễn Thành	Nhân	26	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
340	301316	13	Đào Nguyễn Yên	Nhi	17	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	10	9.5	Giỏi
341	301317	13	Đinh Tuyết	Nhi	06	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.5	9	8.0	Khá
342	301318	13	Hồ Yên	Nhi	24	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.25	9	8.0	Tbình
343	301319	13	Lê Thị Hoài	Nhi	10	10	1998	Đắk Lắk	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7	9.5	9.0	Giỏi
344	301320	13	Lưu Thanh	Nhi	06	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6	9	8.5	Khá
345	301321	13	Ngô Thiên	Nhi	22	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6	9.5	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
346	301322	13	Nguyễn Quỳnh Yên	Nhi	17	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.25	9.5	9.0	Giỏi
347	301323	13	Phạm Thị	Nhi	05	04	1998	Nghệ An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.5	9	8.0	Khá
348	301324	13	Trần Hoàng Bình	Nhi	31	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
349	301325	13	Trần Phương Yên	Nhi	30	07	2000	Đồng Nai	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.25	9	8.0	Khá
350	301326	13	Trần Thị Tuyết	Nhi	31	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4	8.5	7.5	Tbình
351	301327	13	Võ Thanh Bảo	Nhi	20	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.75	9	8.5	Khá
352	301328	13	Võ Thị Hồng	Nhi	07	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.25	8.5	7.0	Tbình
353	301329	13	Vũ Đào Thúy	Nhi	27	08	2000	Kiên Giang	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8	8.5	8.5	Khá
354	301330	13	Vũ Trần Linh	Nhi	26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.25	9.5	8.5	Khá
355	301331	13	Bùi Thanh	Nhiên	19	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.75	9	8.5	Khá
356	301332	13	Nguyễn Cẩm	Nhung	24	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	9.5	9.0	Giỏi
357	301333	13	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nhung	24	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.5	9	7.5	Tbình
358	301334	13	Nguyễn Phúc Quỳnh	Nhung	22	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	9	8.5	Khá
359	301335	13	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	21	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.25	9	9.0	Giỏi
360	301336	13	Nguyễn Thị Yên	Nhung	26	04	1994	Quảng Trị	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.5	9	7.5	Tbình
361	301337	13	Trần Ngọc Tuyết	Nhung	15	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
362	301338	13	Hồ Thị Quỳnh	Như	30	04	2000	Thừa Thiên - Huế	Tam Phú	Làm vườn	5.25	9.5	8.5	Khá
363	301339	13	Lưu Huỳnh	Như	18	05	2000	Bạc Liêu	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	9	8.5	Khá
364	301340	13	Nguyễn Ánh	Như	18	01	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn		v		
365	301341	14	Nguyễn Nguyễn Chúc	Như	08	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.75	9	8.5	Khá
366	301342	14	Nguyễn Tâm	Như	17	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.25	8	8.0	Khá
367	301343	14	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	08	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6	9	8.5	Khá
368	301344	14	Nguyễn Thụy Quỳnh	Như	31	07	1997	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
369	301345	14	Nguyễn Thụy Quỳnh	Như	09	03	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
370	301346	14	Trần Minh	Như	25	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	9	9.0	Giỏi
371	301347	14	Trần Thị Bích	Như	12	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	9	8.5	Khá
372	301348	14	Vũ Thị Hoài	Ninh	22	08	2000	Hải Dương	Tam Phú	Làm vườn	7.25	9	8.5	Khá
373	301349	14	Nguyễn Phạm Kiều	Oanh	17	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
374	301350	14	Nguyễn Thị Kim	Oanh	15	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.5	10	9.5	Giỏi
375	301351	14	Trần Thị Kiều	Oanh	21	04	2000	Thừa Thiên - Huế	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9	9	9.0	Giỏi
376	301352	14	Nguyễn Anh	Pha	10	05	2000	Quảng Ngãi	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.5	9	9.0	Giỏi
377	301353	14	Lê Bá	Pháp	20	07	2000	Phú Yên	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7.5	9	8.5	Khá
378	301354	14	Lê Tấn	Phát	13	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5	10	9.0	Giỏi
379	301355	14	Nguyễn Tấn	Phát	14	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.25	8	8.5	Khá
380	301356	14	Trần Văn	Phát	24	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	9	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
381	301357	14	Lê Nhật	Phong	16	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	9	8.5	Khá
382	301358	14	Lưu Khánh	Phong	14	07	2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.5	10	9.0	Giỏi
383	301359	14	Nguyễn Hào	Phong	14	10	2000	Hà Nội	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.25	10	8.5	Tbình
384	301360	14	Thái Hiếu	Phong	04	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.5	10	9.5	Giỏi
385	301361	14	Đình Viêt	Phú	24	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	8	7.5	Khá
386	301362	14	Khổng Hữu	Phú	24	01	2000	Thanh Hóa	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.5	10	10.0	Giỏi
387	301363	14	Lê Huỳnh	Phú	29	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	9	8.5	Khá
388	301364	14	Nguyễn Thanh	Phú	26	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	9	8.5	Khá
389	301365	14	Nguyễn Thành	Phú	19	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
390	301366	14	Nguyễn Thịnh	Phú	05	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5.75	10	9.0	Giỏi
391	301367	14	Phạm Ngọc	Phú	09	07	1997	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	10	9.0	Giỏi
392	301368	14	Trần Văn	Phú	06	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.5	10	9.0	Giỏi
393	301369	15	Vũ Đức	Phú	16	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.75	9.5	9.0	Giỏi
394	301370	15	Đình Viêt	Phúc	24	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.25	10	9.5	Giỏi
395	301371	15	Lê Hoàng	Phúc	26	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	10	9.5	Giỏi
396	301372	15	Nguyễn Gia	Phúc	19	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
397	301373	15	Nguyễn Hoàng	Phúc	23	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	9	9.0	Giỏi
398	301374	15	Nguyễn Minh	Phúc	19	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	10	9.5	9.5	Giỏi
399	301375	15	Trần Anh Hồng	Phúc	03	10	1999	Cần Thơ	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	2.75	8.5	7.0	Hồng
400	301376	15	Võ Thị Kim	Phụng	03	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	9.5	9.5	Giỏi
401	301377	15	Nguyễn Hoàng	Phương	11	09	2000	Sóc Trăng	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6	10	9.0	Giỏi
402	301378	15	Nguyễn Hồng Thanh	Phương	30	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.5	9.5	8.5	Khá
403	301379	15	Nguyễn Thanh	Phương	19	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8	10	9.5	Giỏi
404	301380	15	Nguyễn Thị Hồng	Phương	21	08	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
405	301381	15	Nguyễn Văn	Phương	20	02	2000	Cần Thơ	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
406	301382	15	Phạm Vũ Uyên	Phương	10	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
407	301383	15	Tô Ngọc Mai	Phương	22	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.5	10	9.5	Giỏi
408	301384	15	Võ Minh	Phương	24	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	9	8.0	Tbình
409	301385	15	Đặng Thị Kim	Phượng	09	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	9.5	10	10.0	Giỏi
410	301386	15	Trần Nguyễn Bích	Phượng	17	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.5	9	9.0	Giỏi
411	301387	15	Trương Thị Kim	Phượng	27	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
412	301388	15	Nguyễn Đăng	Quang	14	03	2000	Nghệ An	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	3.25	9.5	8.0	Tbình
413	301389	15	Nguyễn Ngọc	Quang	11	11	2000	Thái Bình	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
414	301390	15	Trần Đăng	Quang	26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.25	9.5	8.5	Khá
415	301391	15	Đàm Trọng	Quân	12	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5.25	9.5	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
416	301392	15	Đào Anh Quân	28	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	9.5	9.0	Giỏi
417	301393	15	Đỗ Cao Minh Quân	28	04	2000	Bình Dương	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	9.5	9.0	Giỏi
418	301394	15	Lê Trần Hồng Quân	07	08	2000	Thái Bình	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	9.5	9.0	Giỏi
419	301395	15	Nguyễn Lạc Minh Quân	20	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
420	301396	15	Nguyễn Minh Quân	19	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5	9.5	8.5	Khá
421	301397	16	Tôn Thất Minh Quân	01	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.75	10	9.0	Giỏi
422	301398	16	Trần Ái Minh Quân	05	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
423	301399	16	Trần Minh Quân	08	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.75	10	9.0	Giỏi
424	301400	16	Tạ Thị Nguyệt Quế	26	11	1998	Đồng Nai	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	9.5	8.5	Tbình
425	301401	16	Phạm Thị Ngọc Quí	02	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	9.5	8.5	Tbình
426	301402	16	Lý Mai Trung Quốc	18	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	9	8.0	Khá
427	301403	16	Nguyễn Hữu Quốc	26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	10	9.5	Giỏi
428	301404	16	Lê Minh Quý	05	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.5	10	10.0	Giỏi
429	301405	16	Nguyễn Hữu Quý	28	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
430	301406	16	Nguyễn Thị Ngọc Quý	07	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9	9.5	9.5	Giỏi
431	301407	16	Nguyễn Phan Diễm Quyên	11	11	1997	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	9	8.0	Tbình
432	301408	16	Phạm Ngọc Quyên	13	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.25	10	9.5	Giỏi
433	301409	16	Hà Minh Quyền	22	08	1997	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.5	9.5	8.5	Khá
434	301410	16	Lâm Như Quỳnh	29	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	10	9.5	Giỏi
435	301411	16	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	12	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.5	9	7.5	Tbình
436	301412	16	Nguyễn Vũ Như Quỳnh	28	09	1996	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	9.5	8.5	Tbình
437	301413	16	Vũ Thị Như Quỳnh	22	11	1996	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
438	301414	16	Nguyễn Huỳnh Hoàng Sang	23	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
439	301415	16	Nguyễn Huỳnh Nhựt Sang	25	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
440	301416	16	Nguyễn Minh Sang	25	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	9	9.0	Giỏi
441	301417	16	Nguyễn Chiêu Sinh	17	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	4.5	10	8.5	Tbình
442	301418	16	Châu Thanh Sơn	06	01	1999	Tiền Giang	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
443	301419	16	Huỳnh Kim Sơn	03	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
444	301420	16	Lê Hồng Sơn	07	12	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	10	9.0	Giỏi
445	301421	16	Vũ Trường Sơn	13	03	1999	Nam Định	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4	9.5	8.0	Tbình
446	301422	16	Lê Trọng Tài	30	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5	10	9.0	Giỏi
447	301423	16	Lý Thành Tài	24	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9	10	10.0	Giỏi
448	301424	16	Nguyễn Hữu Tài	27	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
449	301425	17	Nguyễn Phạm Khánh Tài	29	10	2000	Bến Tre	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
450	301426	17	Phạm Đức Tài	25	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.25	10	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
451	301427	17	Phạm Văn Tài	22	11	2000	Hà Tĩnh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
452	301428	17	Phan Tấn Tài	26	01	1999	Tiền Giang	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	2.25	10	8.0	Hồng
453	301429	17	Trần Xuân Tại	12	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6	10	9.0	Giỏi
454	301430	17	Đặng Thanh Tâm	05	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
455	301431	17	Nguyễn Hoàng Đan Tâm	23	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
456	301432	17	Nguyễn Thị Tâm	15	11	1995	Nghệ An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
457	301433	17	Trần Ngọc Linh Tâm	24	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8	10	9.5	Giỏi
458	301434	17	Trần Nguyễn Minh Tâm	23	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7	10	9.5	Giỏi
459	301435	17	Lê Nguyễn Hoàng Tân	21	03	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	9.5	8.5	Khá
460	301436	17	Nguyễn Hồng Tân	03	03	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
461	301437	17	Nguyễn Phan Duy Tân	22	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.25	9.5	8.5	Khá
462	301438	17	Lâm Hồng Thái	21	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
463	301439	17	Trần Hoàng Thái	03	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	10	9.5	Giỏi
464	301440	17	Bùi Ngọc Thanh	23	08	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.25	9.5	8.0	Tbình
465	301441	17	Hồng Châu Thanh	09	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
466	301442	17	Nguyễn Đặng Thiên Thanh	05	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
467	301443	17	Nguyễn Lê Minh Thanh	04	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5	9	8.0	Khá
468	301444	17	Nguyễn Thị Phương Thanh	05	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.75	v		
469	301445	17	Phạm Đức Thanh	29	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
470	301446	17	Nguyễn Hiệp Thành	10	01	2000	Sóc Trăng	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	9.5	8.5	Khá
471	301447	17	Nguyễn Tấn Thành	12	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
472	301448	17	Nguyễn Thiện Thành	08	04	2000	Thanh Hóa	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
473	301449	17	Nguyễn Trọng Thành	01	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
474	301450	17	Vô Minh Thành	28	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	v	v		
475	301451	17	Đỗ Thị Thảo	13	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	9.5	8.5	Tbình
476	301452	17	Lưu Thị Bích Thảo	19	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5.5	10	9.0	Giỏi
477	301453	18	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	14	08	2000	Tiền Giang	Tam Phú	Làm vườn	7	10	9.5	Giỏi
478	301454	18	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	23	07	2000	Long An	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
479	301455	18	Nguyễn Phương Thảo	02	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
480	301456	18	Nguyễn Thanh Thảo	24	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
481	301457	18	Nguyễn Thị Thanh Thảo	29	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.25	10	10.0	Giỏi
482	301458	18	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16	12	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
483	301459	18	Nguyễn Thị Thanh Thảo	15	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	10	9.5	Giỏi
484	301460	18	Nguyễn Thiệu Ngọc Thảo	09	03	1997	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.5	9.5	8.0	Tbình
485	301461	18	Ung Thị Thanh Thảo	18	08	1999	Quảng Nam	Tam Phú	Làm vườn	4.5	10	8.5	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
486	301462	18	Bùi Quyết	Thắng	09	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	10	9.5	Giỏi
487	301463	18	Đặng Quốc	Thắng	23	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
488	301464	18	Đỗ Minh	Thắng	28	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4	10	8.5	Tbình
489	301465	18	Lê Minh	Thắng	22	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9	10	10.0	Giỏi
490	301466	18	Trương Hữu	Thắng	26	07	2000	Bình Phước	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.5	9.5	8.5	Khá
491	301467	18	Ỗ Thọ	Thắng	25	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.25	10	9.0	Giỏi
492	301468	18	Nguyễn Ngọc Minh	Thi	23	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.75	9.5	9.5	Giỏi
493	301469	18	Nguyễn Thị Mai	Thi	16	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.75	10	10.0	Giỏi
494	301470	18	Hồ Ngọc Ý	Thiên	02	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
495	301471	18	Vũ Vương Trọng	Thiên	05	07	2000	Kiên Giang	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	8	10	9.5	Giỏi
496	301472	18	Nguyễn Đức	Thiện	28	06	2000	Long An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
497	301473	18	Trần Quang	Thiện	07	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.25	9.5	8.5	Khá
498	301474	18	Trần Tuấn	Thiện	23	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	9	8.0	Tbình
499	301475	18	Nguyễn Thị	Thiếp	15	11	1997	Nghệ An	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.5	9.5	8.5	Tbình
500	301476	18	Bùi Hữu	Thịnh	01	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
501	301477	18	Nguyễn Đình	Thịnh	05	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.25	10	9.5	Giỏi
502	301478	18	Nguyễn Đức	Thịnh	15	09	2000	Vĩnh Phúc	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	v	v		
503	301479	18	Trần Đức	Thịnh	14	06	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
504	301480	18	Lương Kim	Thoa	21	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	10	9.5	Giỏi
505	301481	19	Trần Hoàng	Thông	19	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	9	8.5	Khá
506	301482	19	Trịnh Minh	Thông	25	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
507	301483	19	Nguyễn Bá	Thông	01	08	1998	Lâm Đồng	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
508	301484	19	Nguyễn Thị Ngọc	Thơ	09	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
509	301485	19	Trương Kim	Thơm	21	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.25	9.5	9.0	Giỏi
510	301486	19	Võ Hoài	Thu	16	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	v	v		
511	301487	19	Phạm Hữu Thanh	Thuận	16	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7	9.5	9.0	Giỏi
512	301488	19	Huỳnh Thị Như	Thùy	16	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.25	9	9.0	Giỏi
513	301489	19	Nguyễn Thanh	Thùy	19	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	10	9.5	Giỏi
514	301490	19	Trần Thị Thanh	Thùy	29	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
515	301491	19	Nguyễn Thanh	Thủy	17	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7	8.5	8.0	Khá
516	301492	19	Nguyễn Trúc	Thủy	17	07	2000	Bến Tre	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
517	301493	19	Vũ Thị Thanh	Thủy	04	03	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.75	9	7.5	Tbình
518	301494	19	Đặng Nguyễn Anh	Thư	18	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
519	301495	19	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	05	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.75	v		
520	301496	19	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	18	08	2000	Trà Vinh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8	9	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
521	301497	19	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	02	05	2000	Cần Thơ	Tam Phú	Làm vườn	6.5	9	8.5	Khá
522	301498	19	Phùng Thị Anh	Thư	24	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	4.5	9	8.0	Tbình
523	301499	19	Võ Thị Minh	Thư	10	11	2000	Bình Phước	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8	9	9.0	Giỏi
524	301500	19	Vũ Hoàng Thanh	Thư	31	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
525	301501	19	Nguyễn Thị Hoàng	Thương	23	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6	9.5	8.5	Khá
526	301502	19	Nguyễn Thị Tuyết	Thương	01	01	1998	Hậu Giang	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.75	9.5	9.0	Giỏi
527	301503	19	Trần Võ Nhã	Thy	07	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	v	v		
528	301504	19		Tí	15	04	2000	Gia Lai	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	9	8.0	Khá
529	301505	19	Nguyễn Lê Cẩm	Tiên	14	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	8.5	8.0	Khá
530	301506	19	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	15	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4	9.5	8.0	Tbình
531	301507	19	Đặng Minh	Tiến	20	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	3.75	9.5	8.0	Tbình
532	301508	19	Nguyễn Mạnh	Tiến	18	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5.25	9	8.0	Khá
533	301509	20	Lê Xuân	Tín	05	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.75	10	9.0	Giỏi
534	301510	20	Nguyễn Minh	Tín	26	06	1998	Quảng Ngãi	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.25	10	8.5	Tbình
535	301511	20	Nguyễn Trọng	Tín	21	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.75	8	7.5	Khá
536	301512	20	Phạm Thành	Tín	17	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	10	9.5	Giỏi
537	301513	20	Trần Phương	Tín	14	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
538	301514	20	Đinh Hoàng	Toàn	17	10	1997	Cần Thơ	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.25	9.5	8.5	Khá
539	301515	20	Nguyễn Phi	Toàn	18	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6	8	7.5	Khá
540	301516	20	Trần Phạm Dũ	Toàn	11	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.25	10	9.5	Giỏi
541	301517	20	Trần Quốc	Toàn	26	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	v		
542	301518	20	Ngô Trần	Tôn	14	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.75	8	7.5	Khá
543	301519	20	Huỳnh Thị Minh	Trang	09	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4	10	8.5	Tbình
544	301520	20	Mai Thị Huyền	Trang	09	03	2000	Phú Thọ	Tam Phú	Làm vườn	6.25	9	8.5	Khá
545	301521	20	Nguyễn Thị Huyền	Trang	21	04	2000	Bình Thuận	Tam Phú	Làm vườn	8.75	9	9.0	Giỏi
546	301522	20	Nguyễn Thị Minh	Trang	07	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.25	9	8.5	Khá
547	301523	20	Nguyễn Thị Thùy	Trang	21	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
548	301524	20	Phạm Vũ Như	Trang	24	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	9.25	10	10.0	Giỏi
549	301525	20	Võ Đặng Thu	Trang	29	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	5.5	9	8.0	Khá
550	301526	20	Nguyễn Mai Hoàng	Trâm	31	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7	9	8.5	Khá
551	301527	20	Tăng Ngọc Bích	Trâm	26	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	10	9.0	Giỏi
552	301528	20	Trần Huyền	Trân	07	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.5	8	7.5	Khá
553	301529	20	Nguyễn Hoàng	Trí	20	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	9	8.5	Khá
554	301530	20	Trần Quang	Triệu	27	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.5	9	9.0	Giỏi
555	301531	20	Vũ Quốc	Triệu	02	04	2000	Nam Định	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.75	9	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
556	301532	20	Đỗ Trung	Trình	28	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
557	301533	20	Nguyễn Thị Diễm	Trình	06	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	9	9.0	Giỏi
558	301534	20	Trương Hoàng	Trình	27	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.25	9	8.0	Tbình
559	301535	20	Đào Hữu	Trọng	09	10	1999	Long An	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9	9	9.0	Giỏi
560	301536	20	Nguyễn Đức	Trọng	09	10	2000	Thanh Hóa	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4.75	8	7.0	Tbình
561	301537	21	Tôn Hoàng Thanh	Trúc	28	03	2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Tam Phú	Làm vườn	6.5	9	8.5	Khá
562	301538	21	Đáy Minh	Trung	18	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
563	301539	21	Lê Văn	Trung	10	10	1995	Thanh Hóa	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.25	9.5	8.5	Khá
564	301540	21	Nguyễn Quang	Trung	08	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.5	9.5	8.0	Tbình
565	301541	21	Nguyễn Thanh	Trung	16	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
566	301542	21	Nguyễn Thành	Trung	05	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4.5	9.5	8.5	Tbình
567	301543	21	Nguyễn Trọng	Trung	01	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	9.5	9.0	Giỏi
568	301544	21	Trần Hữu	Trung	01	01	2000	Bình Dương	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4	9	8.0	Tbình
569	301545	21	Dương Mạnh	Trường	24	08	2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	9.5	8.5	Khá
570	301546	21	Lê Thanh	Trường	20	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
571	301547	21	Nguyễn Quốc	Trường	26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	9.5	8.5	Khá
572	301548	21	Nguyễn Thị Lam	Trường	22	07	2000	Sóc Trăng	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	v	v		
573	301549	21	Phạm Huân	Trường	29	06	2000	Hà Tĩnh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	9.5	8.5	Khá
574	301550	21	Phan Lê Ngân	Trường	07	01	2000	Đồng Nai	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.25	9	8.0	Khá
575	301551	21	Lê Anh	Tú	09	08	2000	Thanh Hóa	Tam Phú	Làm vườn	8.25	10	9.5	Giỏi
576	301552	21	Ngô Phạm Minh	Tú	28	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
577	301553	21	Nguyễn Anh	Tú	31	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
578	301554	21	Nguyễn Anh	Tú	07	12	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.75	9	8.0	Khá
579	301555	21	Nguyễn Trọng	Tú	05	01	1999	Bắc Ninh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
580	301556	21	Phạm Ngọc Cẩm	Tú	26	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6	9.5	8.5	Khá
581	301557	21	Huỳnh Thanh	Tuấn	30	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
582	301558	21	Lê Minh	Tuấn	17	02	1999	Đồng Tháp	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7	9.5	9.0	Giỏi
583	301559	21	Nguyễn Anh	Tuấn	24	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	8	7.5	Khá
584	301560	21	Nguyễn Bùi Hoàng Quốc	Tuấn	02	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6	9.5	8.5	Khá
585	301561	21	Nguyễn Thanh	Tuấn	13	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.25	9.5	8.5	Khá
586	301562	21	Phạm Minh	Tuấn	25	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.25	10	9.5	Giỏi
587	301563	21	Phạm Tiến	Tuấn	10	04	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.5	7.5	7.0	Khá
588	301564	21	Phan Anh	Tuấn	16	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	9.5	9.5	Giỏi
589	301565	22	Thiên Anh	Tuấn	27	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
590	301566	22	Trương Thái	Tuấn	14	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.5	9	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
591	301567	22	Lê Thanh Tùng	02	11	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.25	9	9.0	Giỏi
592	301568	22	Lê Xuân Tùng	18	10	2000	Vĩnh Phúc	Tam Phú	Làm vườn	8.25	9.5	9.0	Giỏi
593	301569	22	Nguyễn Đặng Khánh Tùng	08	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4	8.5	7.5	Tbình
594	301570	22	Phạm Bá Tùng	13	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	9	8.5	Khá
595	301571	22	Lâm Thị Kim Tuyền	31	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8	10	9.5	Giỏi
596	301572	22	Đoàn Thanh Tuyền	10	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
597	301573	22	Trần Kim Tuyền	06	07	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	9	8.0	Tbình
598	301574	22	Trương Thùy Thủy Tuyền	08	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.75	9	8.0	Tbình
599	301575	22	Trần Thị Ánh Tuyết	16	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.25	10	9.5	Giỏi
600	301576	22	Nguyễn Ích Nam Tường	19	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
601	301577	22	Nguyễn Trần Cát Tường	03	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	8.75	10	9.5	Giỏi
602	301578	22	Huỳnh Trà Ngọc Uyên	23	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.75	10	9.0	Giỏi
603	301579	22	Lê Thị Tố Uyên	08	02	2000	Thanh Hóa	Tam Phú	Làm vườn	6.25	9	8.5	Khá
604	301580	22	Nguyễn Thị Tú Uyên	28	06	2000	Nghệ An	Tam Phú	Làm vườn	7	10	9.5	Giỏi
605	301581	22	Phạm Thị Thu Uyên	31	10	2000	Ninh Bình	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.25	9	8.5	Khá
606	301582	22	Nguyễn Văn Vàng	30	12	1994	Campuchia	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	6.5	10	9.0	Giỏi
607	301583	22	Trần Phú Văn	28	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6	10	9.0	Giỏi
608	301584	22	Nguyễn Thị Thu Vân	01	01	1993	Tây Ninh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	3.5	9.5	8.0	Tbình
609	301585	22	Phạm Lê Thị Tường Vi	18	01	2000	Bình Định	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4.25	10	8.5	Tbình
610	301586	22	Phạm Thị Tường Vi	17	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
611	301587	22	Nguyễn Trần Quang Viên	23	05	2000	Tây Ninh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.5	9	8.0	Khá
612	301588	22	Lê Minh Việt	03	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	10	9.5	Giỏi
613	301589	22	Nguyễn Đức Việt	22	11	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4.25	8.5	7.5	Tbình
614	301590	22	Đặng Thanh Vinh	27	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
615	301591	22	Phạm Văn Vinh	24	12	1994	Nam Định	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.25	10	9.0	Giỏi
616	301592	22	Nguyễn Trần Long Vũ	22	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.5	v		
617	301593	23	Trần Quốc Vũ	01	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	9.5	10	10.0	Giỏi
618	301594	23	Trương Huy Vũ	10	11	2000	Vĩnh Long	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5.75	9.5	8.5	Khá
619	301595	23	Nguyễn Hà Thúy Vy	16	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5.5	9.5	8.5	Khá
620	301596	23	Nguyễn Hiếu Tường Vy	20	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
621	301597	23	Nguyễn Hoàng Phương Vy	29	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
622	301598	23	Nguyễn Ngọc Thúy Vy	04	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5	10	9.0	Giỏi
623	301599	23	Nguyễn Ngọc Yến Vy	07	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.5	10	9.5	Giỏi
624	301600	23	Nguyễn Phương Vy	31	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	v	v		
625	301601	23	Nguyễn Thị Đa Vy	25	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	4.75	10	8.5	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
626	301602	23	Nguyễn Thị Hồng Vy	11	10	2000	Khánh Hòa	Tam Phú	Làm vườn	7.75	9	8.5	Khá
627	301603	23	Nguyễn Thị Huyền Vy	29	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.75	10	9.0	Giỏi
628	301604	23	Nguyễn Thị Thanh Vy	29	12	1997	Kiên Giang	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
629	301605	23	Nguyễn Thị Thúy Vy	12	06	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
630	301606	23	Phạm Lê Thúy Vy	15	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8.75	9.5	9.5	Giỏi
631	301607	23	Phạm Nguyễn Thúy Vy	24	04	2000	Quảng Ngãi	Tam Phú	Làm vườn	8.5	9.5	9.5	Giỏi
632	301608	23	Trần Thị Phương Vy	03	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	8	10	9.5	Giỏi
633	301609	23	Võ Tường Vy	08	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	v	v		
634	301610	23	Đỗ Thanh Xuân	20	12	2000	Thanh Hóa	Tam Phú	Làm vườn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
635	301611	23	Trần Thị Thanh Xuân	20	04	1997	Tây Ninh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	5	9.5	8.5	Khá
636	301612	23	Lê Thị Kim Xuyên	27	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	6.75	10	9.0	Giỏi
637	301613	23	Dương Mai Như Ý	26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Phú	Làm vườn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
638	301614	23	Lê Nguyễn Thiên Ý	16	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	4	10	8.5	Tbình
639	301615	23	Lê Thị Ngọc Yên	08	10	2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	5	9.5	8.5	Khá
640	301616	23	Nguyễn Thị Kim Yên	12	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	6.25	10	9.0	Giỏi
641	301617	23	Phan Thị Kim Yên	18	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX quận Thủ Đức	Làm vườn	7.75	10	9.5	Giỏi
642	302338	23	Nguyễn Thị Trúc Ly	24	02	2000	Đắk Lắk	TT GDTX Quận Thủ Đức	Làm vườn	6	10	9.0	Giỏi
643	302339	23	Bùi Thị Nhi	17	06	1999	An Giang	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	v	v		

DUYỆT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

TỔNG KẾT

Tổng số thí sinh trong danh sách:	643
- Số thí sinh dự thi:	595
- Số thí sinh vắng:	48
- Số thí sinh hỏng:	4
- Số thí sinh đạt:	
+ Xếp loại Giỏi:	294
+ Xếp loại Khá:	195
+ Xếp loại Tbình:	102

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Bảo Quốc